

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS - PT

Ngày 09 - 06 -2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và chia thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ứng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLPT-DS, ngày 11 tháng 03 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐ-TA ngày 29/4/2021 và thông báo dời ngày xét xử số 08/TB-TA ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thang Q, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Công H -Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Thang Thị S, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Thang Thị S: ông Phạm Minh L là luật sư cộng tác của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 3.1. Bà Cam Thị L, sinh năm 1960 (vợ ông Q, cùng hộ)
- 3.2. Anh Thang Hoàng P, sinh năm 1984 (con ông Q, cùng hộ)
- 3.3. Chị Thang Thị Ngọc L, sinh năm 1986 (con ông Q, cùng hộ)
- 3.4. Anh Thang Hoàng P2, sinh năm 1990 (con ông Q, cùng hộ)
- 3.5. Chị Thang Thanh H, sinh năm 1991 (con ông Q, cùng hộ)

Ông Thang Q là người đại diện theo ủy quyền cho Thang Thị Ngọc L, Thang Thanh H, Thang Hoàng P2, Thang Hoàng P, Cam Thị L (có mặt). Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- 3.6. Bà Kiên Thị Sa R, sinh năm 1940 (hộ ông S1, mẹ bà S)
- 3.7. Ông Sơn Ngọc M, sinh năm 1973 (chồng bà S, có mặt)
- 3.8. Anh Sơn Thanh T, sinh năm 1997 (con bà S)
- 3.9. Anh Mã Văn N, sinh năm 1996 (con rể của bà S, có đơn xin vắng mặt).

Bà Thang Thị S là người đại diện theo ủy quyền cho Sơn Thanh T, Kiên Thị Sa R (bà Thanh Thị Senl, có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

3.10. Ông Thạch Thừa, sinh năm 1975 (chồng trước bà Thang Thị D, vắng mặt). Nơi cư trú cuối cùng: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

3.11. Chị Thạch Ngọc Phượng, sinh năm 1999 (con bà D)

3.12. Chị Thạch Thị L, sinh năm 2008 (con bà D).

Chị Thạch Ngọc P là người đại diện theo pháp luật cho Thạch Thị L; Bà Thang Thị S là người đại diện theo ủy quyền cho chị Thạch Ngọc P (Bà S có mặt); Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.13. Ông Thạch S3, sinh năm 1979 (chồng sau của bà D, vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.14. Bà Thang Thị Sa P (P), sinh năm 1954

3.15. Ông Thạch R, sinh năm 1950 (chồng bà Sa P)

Ông Thang Q là người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch R, bà Thang Thị Sa P, theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021, có mặt.

3.16. Anh Thạch Quít T1, sinh năm 1977 (con bà Sa P)

3.17. Anh Thạch Quít T2, sinh năm 1978 (con bà Sa P)

3.18. Anh Thạch Sơn T3, sinh năm 1979 (con bà Sa P)

3.19. Anh Thạch Hồng M, sinh năm 1985 (con bà Sa P, đã chết)

Anh Quít T1, anh Quít T2, anh Sơn T3 có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/5/2021.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.20. Bà Thang Thị Kim A, sinh năm 1960 (có mặt)

3.21. Ông Kim H, sinh năm 1960 (chồng bà Kim A, vắng mặt)

3.22. Chị Kim Thị Thi Đ, sinh năm 1987 (con bà Kim A, vắng mặt)

3.23. Anh Kim Hoàng T, sinh năm 1990 (con bà Kim A, vắng mặt)

Bà Thang Thị Kim A là người đại diện theo ủy quyền của Kim Hoàng T và ông Kim H, có mặt;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.24. Chị Thang Thị Mỹ D, sinh năm 1989 (con ông Thang Xi H, có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.25. Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã M: Ông Nguyễn Văn S – Chủ tịch UBND xã Mỹ Chánh (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.26. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Trần Quốc T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.27. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án nhà máy sản xuất hàng may mặc N.

Người đại diện theo pháp luật: ông Thạch C – Chủ tịch Hội đồng (vắng mặt)

3.28. Ngân hàng H(vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Tầng 4 – Tòa nhà N H, phường T, quận C, Hà Nội.

4. Người phiên dịch: Ông Kim Thành L - Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt nam - phường B, Tp. Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai của Ông Thang Q, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Thang Thị Ngọc L, chị Thang Thanh H, anh Thang Hoàng P2, anh Thang Hoàng P, bà Cam Thị L trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Lúc sinh thời cha mẹ của ông là ông Thang S1 (chết năm 2013) với bà Sơn Thị P (chết năm 1968) có với nhau 11 người con, tuy nhiên khi sinh ra đã chết 06 người, chỉ còn 05 người gồm Thang Thị Sa P1, Thang Xi H, Thang Thị Sa P (P), Thang Q và Thang Thị Kim A. Sau đó bà Thang Thị Sa P1 chết khi còn nhỏ không nhớ năm chết, đến năm 1968 mẹ của ông chết, một thời gian sau cha của ông sống chung với bà Kiên Thị Sa R như vợ chồng và có được hai người con là Thang Thị S và Thang Thị D. Ông Thang Xi H chết sau bà Pháte, chết trước ông S1 có con là Thang Thị Mỹ D, Thang Thị D chết vào năm 2005 có hai người con là Thạch Ngọc P và Thạch Thị L.

Trước khi ông S1 và bà Pháte chết có để lại các thửa đất gồm thửa 672 diện tích 7.140m² (thực đo là 6.223m²) do bà S sử dụng, thửa 673 diện tích 1.000m² (diện tích thực đo 974m²) do bà Sa R sử dụng và thửa 2379 diện tích 5.050m² (diện tích thực đo là 5.519m²) do bà S sử dụng, tất cả các thửa đất này cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thang S1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại đơn khởi kiện của ông Thang Q và quá trình giải quyết vụ án ông Thang Q yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất 672 diện tích 7.140m² (thực đo là 6.223m²) và Thửa 2379 diện tích 5.050m² (diện tích thực đo là 5.519m²), theo quy định pháp luật cho 06 phần gồm: Thang Q, Thang Thị Sa P (P), Thang Thị Kim A, Thang Thị S, Thang Thị D và một phần dùng vào việc thờ cúng, mỗi người một phần bằng nhau. Riêng đối với ông Thang Xi H do lúc còn sống không nghe lời cha đã bị cha từ con nên con của ông Thang Xi H là Thang Thị Mỹ D không được chia thừa kế, đối với bà Kiên Thị Sa R khi về chung sống với cha của ông không có tài sản nào nên ông không đồng ý chia thừa kế cho bà Kiên Thị Sa R. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Thang Q thay đổi cho rằng hai thửa đất 672 và 2379 nêu trên là tài sản riêng của mẹ ông là bà Sơn Thị P, ông S1 về ở rể nên đây không phải là tài sản của ông S1, cũng không phải là tài sản chung của ông S1 và bà P. Do đó ông Thang Q không yêu cầu chia thừa kế đối với hai thửa đất 672 và 2379 và xin rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với hai thửa đất 672 và 2379. Đối với thửa đất 673 diện tích 1.000m² (diện tích thực đo 974m²) do bà Sa R và ông Thang S1 sử dụng từ khi sống chung cho đến nay nên Ông Thang Q cũng rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất số 673 và đồng ý để thửa đất này cho bà Kiên Thị Sa R tiếp tục sử dụng;

Đối với diện tích 7.080m² thuộc thửa số 09 và diện tích 10.946m² thuộc thửa số 57 cùng tờ bản đồ A2 (nay là tờ bản đồ số 4) tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, ông Q trình bày có nguồn gốc của bà Sơn Thị P và ông Thang S1 mua sau khi sống chung, nhưng lúc ông Thang S1 còn sống có giao thửa đất số 57 cho bà Thang Thị Sa P (P) và Thang Thị Kim A sử dụng, giao thửa đất số 09 cho ông Q sử dụng. Việc ông S1 giao thửa đất số 09 cho ông sử dụng chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ gì. Trước đây thửa số 09 ông Thang S1 cho UBND xã Mỹ Chánh mượn làm sân bóng từ năm 1976. Đến năm 2018 thì ông Q được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh trả lại và hiện nay ông để cho bà P (P) mượn sử dụng. Ông Q có yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại sau khi thu hồi là còn lại là 3.615,8m² và số tiền Nhà nước bồi hoàn về đất của thửa số 09 bị thu hồi một phần là 234.311.350 đồng, không đồng ý chia thừa kế cho những người này.

Ngày 23/02/2016 Ông Thang Q có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thừa kế diện tích 7.080m² thửa số 09 và diện tích 10.946m² thửa số 57. Ngày 10/8/2018 ông Thang Q có đơn rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 7.080m² thửa số 09 và diện tích 10.946m² thửa số 57 và tại phiên tòa sơ thẩm Ông Thang Q vẫn giữ nguyên ý kiến là rút yêu cầu chia thừa kế đối với hai thửa đất số 09 và số 57 nêu trên, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Ông Thang Q đồng ý giao cho bà P (P) tiếp tục sử dụng diện tích còn lại sau khi bị thu hồi của thửa 57 là 1.318,9m² và phần tiền bồi hoàn là 146.002.850 đồng, đồng ý giao cho bà Kim A tiếp tục sử dụng diện tích còn lại sau khi bị thu hồi của thửa số 57 là 1.537,2m² tiền bồi hoàn là 446.093.400 đồng, vì đây là phần tiền và đất của bà Kim A và bà Sa P được hưởng. Nếu Tòa án có chia hai phần tiền và đất này của bà Kim A và bà P (P) thì ông Q đồng ý giao phần của ông được hưởng (nếu có) cho bà Sa P (Phonl) và bà Kim A hưởng phần tương ứng với mỗi phần bà Sa P và bà Kim A

đang sử dụng. Đối với phần đất mà Công ty may đã xây hàng rào lấn sang phần thửa số 09, 57, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết phần lấn ranh này, ông sẽ khởi kiện Công ty may bằng một vụ án khác, khi cần thiết;

Đối với diện tích 9.420m² của thửa đất 664, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 1983 sau khi ông lập gia đình thì ông Thang S1 có cho ông một phần diện tích đất trong tổng diện tích chung 9.420m² của thửa đất 664 này. Thửa đất này được cho chia ra làm 03 phần trong đó một phần nằm hướng mặt trời lặn (hướng tây) và một phần nằm ở hướng mặt trời mọc (hướng đông) là ông S1 cho ông, phần diện tích giữa hai phần đất này thì ông S1 cho bà Kim A. Quá trình canh tác ông có kê khai đăng ký toàn bộ diện tích 9.420m² (kể cả phần đất của bà Kim A sử dụng) và ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/7/1998 toàn bộ diện tích. Đến năm 2000 ông Thang S1 mượn của ông diện tích đất 2.355m² trong tổng diện tích chung 9.420m² (là phần hướng mặt trời mọc) để làm nền mạ, sau đó ông Thang S1 lớn tuổi không canh tác được nên ông S1 cho bà S mượn lại để ông S1 lấy tiền sử dụng, ông Q không có tranh chấp gì. Nay ông Q có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu bà Thang Thị S phải trả lại cho ông diện tích đất 2.355m² (diện tích thực đo là 2.290m²) trong tổng diện tích chung 9.420m² thuộc thửa 664.

Ông Thang Q đại diện theo ủy quyền cho ông Thạch R, bà Thang Thị Sa P (P), anh Thạch Quít T1, anh Thạch Quít T2, anh Thạch Sơn T3 trình bày: Đối với thửa số 57, diện tích chung là 11.348m² tờ bản đồ số 04 (trước đây là A2) Ông Thang Q đã nêu ở trên là do ông S1 cho bà Sa P (Phonl) khi bà Sa P có chồng ra ở riêng từ năm 1975, nhưng chưa tách thửa sang tên và bà Sa P có đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho bà Sa P sử dụng phần đất mà ông S1 đã cho. Đến năm 2018 trong diện tích đất ông S1 cho bà Sa P bị thu hồi một phần để làm công ty may, diện tích bà Sa P còn sử dụng lại là 1.318,9m². Nay Ông Thang Q đại diện cho ông Thạch R, bà Thang Thị Sa P, anh Thạch Quít T1, anh Thạch Quít T2, anh Thạch Sơn T3 yêu cầu Tòa án công nhận cho bà Thang Thị Sa P (P) được sử dụng diện tích còn lại bà Sa P đang sử dụng là 1.318,9m², bà Sa P không đồng ý chia thừa kế phần tiền đất được bồi thường mà bà Sa P đã nhận là 146.002.850 đồng, cũng không đồng ý chia thừa kế phần đất bà đang sử dụng theo yêu cầu của bà S, bà Sa R, Mỹ Dung (con ông Xi H), Ngọc P, L (con bà D);

Đối với thửa đất số 672 diện tích 7.140m² (thực đo là 6.223m²) và thửa số 2379 diện tích 5.050m² (diện tích thực đo là 5.519m²) cũng có nguồn gốc của bà Sơn Thị P. Ông Thang Q đại diện cho bà Sa P không yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với 02 thửa đất này;

Đối với thửa đất 673 diện tích 1.000m² (diện tích thực đo 974m²) do bà Kiên Thị Sa R sử dụng cùng ông Thang S1 từ khi hai người về sống chung cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Sa P có yêu cầu chia thừa kế thửa đất này, nhưng nay ông Q đại diện cho bà Sa P (Phonl) đồng ý giao thửa đất này cho bà Kiên Thị Sa R sử dụng, rút lại yêu cầu chia thừa kế thửa đất này;

Đối với thửa đất số 09, diện tích 7.080m² đã nêu ở trên trước đây ông Thang S1 đã cho ông Thang Q, nên bà Sa P không yêu cầu chia thừa kế phần thửa đất này, nếu Tòa án chia thừa kế theo yêu cầu của bà S thì bà Sa P đồng ý giao phần của bà được hưởng cho ông Thang Q hưởng;

Đối với phần đất mà Công ty may đã xây hàng rào lấn sang phần thửa số 09, 57 nói trên bà Sa P (P) không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất bị lấn ranh này, khi cần thiết bà Sa P sẽ khởi kiện sau.

Đối với khoản nợ Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, phần nợ này là phần vay của bà Sa P và bà Sa P đã trả cho Ngân hàng xong.

Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Bà Thang Thị S, cũng như lời trình bày của bà S tại phiên tòa hôm nay cùng đại diện cho Sơn Ngọc M, Sơn Thanh T, Kiên Thị Sa R như sau:

Lúc sinh thời cha của bà là ông Thang S1 (chết năm 2013) trước khi sống chung với mẹ của bà là bà Kiên Thị Sa R thì ông S1 có người vợ trước là bà Sơn Thị P (chết năm 1968) có với nhau 04 người con gồm Thang Xi H, Thang Thị Sa P (P), Thang Q và Thang Thị Kim A, còn bà Thang Thị Sa P thì bà S không biết người này nghe nói đã chết lúc nhỏ. Đến khoảng trước năm 1980 thì ông Thang S1 lấy bà Kiên Thị Sa R làm vợ và có được hai người con là Thang Thị S và Thang Thị D (chết năm 2005). Ông Thang Xi H chết có con là Thang Thị Mỹ D (mẹ Thang Thị Mỹ D là bà Huỳnh Thị S cũng đã chết), Thang Thị D chết vào năm 2015 có hai người con là Thạch Ngọc P và Thạch Thị L;

Đối với phần thửa đất 664 tổng diện tích chung là 9.420m², tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông Thang S1. Sau đó, ông Thang S1 cho bà sử dụng một phần diện tích thực đo là 2.290m² trong vào năm 1995. Trước đây, ông Thang S1 phân chia thửa đất này cho 03 (ba) người con như sau: Thang Q (sử dụng phần đất ở phần đầu, hướng mặt trời lặn), bà Thang Thị Kim A (sử dụng phần giữa, liền kề phần đất của ông Q) và kế tiếp là bà (phần bà sử dụng liền kề với bà Kim A, hướng mặt trời mọc) và việc sử dụng đất này giữa các bên đều có làm bờ đất làm ranh của ba người, có nhiều người dân địa phương làm chứng. Việc ông Thang Q trình bày cho rằng ông Thang S1 mượn phần đất diện tích thực đo là 2.290m² (phần ông Thang Q đang tranh chấp với bà) nằm trong tổng diện tích chung là 9.420m² để làm nền mạ là không có và không đúng, bà không biết lý do vì sao ông Thang Q được đứng tên quyền sử dụng của thửa thửa số 664, bà cũng không có thửa đất của ông S1 như ông Q trình bày, mà do ông S1 cho bà phần diện tích đất này từ năm 1995. Nay bà S không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Thang Quang, bà S có yêu cầu hủy phần giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã cấp cho Ông Thang Q thửa thửa 664 và yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được sử dụng diện tích 2.290m² nằm trong tổng diện tích chung là 9.420m², thửa thửa 664, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

Đối với thửa đất số 09 diện tích diện tích 7.080m² tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông bà nội cho cha bà ông Thang S, sau đó ông Thang S1 đứng tên quyền sử dụng đất cùng với vợ trước là bà Pháte,

không phải là tài sản chung của bà Kiên Thị Sa R với ông Thang S. Đến năm 1976 ông Thang S1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C mượn để làm sân bóng, không có cho Ông Thang Q phần thừa đất này. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà S yêu cầu chia thừa kế phần diện tích còn lại của thửa đất số 09 cụ thể như sau: Diện tích thực đo còn lại sau thu hồi là 3.615,8m² trừ đi diện tích nền mộ và lối vào là 349,2 m² thì còn lại là 3.266,6m² chia làm 07 phần gồm: Thang Q, Thang Thị Sa P, Thang Thị Kim A, Thang Xi H (do Thang Thị Mỹ D nhận), Thang Thị S, Thang Thị D (do Thạch Thị L và Thạch Ngọc P nhận), Kiên Thị Sa R mỗi phần bằng 466,66m² và yêu cầu được nhận bằng giá trị, không nhận đất.

Đối với phần diện đất của thửa số 09 bị thu hồi một phần, được bồi hoàn tiền về đất xong do Ông Thang Q nhận, bà S yêu cầu chia thừa kế phần tiền mà ông Q đã nhận bồi hoàn về giá trị đất là 234.311.350đ chia làm 07 phần gồm: Thang Q, Thang Thị Sa P, Thang Thị Kim A, Thang Si Hai (do Thang Thị Mỹ D nhận), Thang Thị S, Thang Thị D (do Thạch Thị L và Thạch Ngọc P nhận), Kiên Thị Sa R mỗi người một phần bằng nhau, còn tiền bồi hoàn về giá trị cây trái và bồi hoàn phần các giá trị khác trên đất thì không yêu cầu chia, đồng ý để ông Q hưởng toàn bộ;

Đối với thửa 57 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của ông Thang S. Khi ông Thang S1 còn sống khi bà Sa P (Phonl) có gia đình, ông S1 có cho bà Sa P một nền nhà để ở, còn phần đất phía sau nhà ở của bà P (P) bị thu hồi ông S1 chỉ cho bà Sa P trồng canh tác chứ không cho đứt bà Phone. Sau đó ông S1 về dưới Ô (ở ruộng) ở cùng với bà Kiên Thị Sa R (là nền nhà bà Kiên Thị Sa R đang ở hiện nay) nên ông Thang S1 cũng cho bà Thang Thị Kim A một phần đất đủ để cất nhà sử dụng (là phần nhà hiện bà Kim A đang sử dụng), còn phần diện tích còn lại bị thu hồi thì ông Thang S1 để cho bà Kim A canh tác sử dụng chứ không cho đứt bà Kim A. Do đó, đối với diện tích còn lại của thửa 57 sau khi bị thu hồi do bà Sa P (Phonl) sử dụng là 1.318,9m² và bà Kim A đang sử dụng là 1.537,2m², bà S cùng đại diện cho bà Sa R, chị Phượng rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích còn lại và thống nhất giao cho bà Sa P, bà Kim A tiếp tục sử dụng. Số tiền bồi hoàn phần đất của thửa 57 do bà Sa P (Phonl) nhận là 146.002.850 đồng, bà Kim A nhận là 446.093.400 đồng, bà S cùng đại diện cho bà Sa R, Ngọc Phượng yêu cầu chia thừa kế bằng 07 phần của tổng số tiền trên mỗi phần bằng nhau cho Ông Thang Q, Thang Thị Sa P (P), Thang Thị Kim A, ông Thang Xi H (do Thang Mỹ D nhận), Thang Thị S, Kiên Thị Sa R, Thang Thị D (do Thạch Ngọc P và Thạch Thị L nhận). Còn tiền bồi hoàn về giá trị cây trái và bồi hoàn phần các giá trị khác trên đất thì bà S cùng đại diện cho bà Sa R và Ngọc Phượng không yêu cầu chia và đồng ý giao cho bà Kim A và bà Sa P (Phonl) quản lý, sử dụng;

Đối với phần đất mà công ty may đã xây hàng rào lấn sang phần thửa số 09 và thửa 57 nói trên bà S cùng đại diện cho bà Sa R, Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết phần lấn ranh này;

Đối với các thửa đất số 672, 673, 2379 thì bà S cùng đại diện cho bà Sa R, Ngọc Phượng không yêu cầu chia cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các thửa đất này hiện bà S đang canh tác để nuôi bà Sa R;

Bà Thang Thị Kim A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là người đại diện theo ủy quyền của anh Kim Hoàng T và ông Kim H trình bày:

Thửa đất số 664 nêu trên có nguồn gốc của ông Thang S, trước đây khi cha bà còn sống có cho bà và Thang Q sử dụng. Phần đất này cha bà cho ông Q đang sử dụng phần đầu (bên mặt trời lặn) như bà S trình bày, cho bà ở phần giữa (giáp với phần đất ông Q), còn phần còn lại (phần mặt trời mọc) là phần nền mạ ông S1 sử dụng cũng là phần hiện ông Q đang tranh chấp với bà S. Phần đất nền mạ ông S1 có cho Thang Q hay cho bà S hay không thì bà không biết, nhưng từ trước đến giờ do ông S1 sử dụng rồi đến bà S sử dụng. Hiện tại phần của ông S1 cho bà thì bà vẫn đang sử dụng. Bà chỉ biết trọn thửa 664 này đều do Thang Q đứng tên quyền sử dụng đất bao gồm luôn cả phần ông S1 đã cho bà, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đối với phần thửa đất số 57 có tổng diện tích chung là 12.940m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của cha mẹ là ông Thang S1 và bà Sơn Thị P. Lúc cha bà còn sống đã cho bà và bà Sa P toàn bộ đất thửa 57 này sử dụng (có phân ranh giới thửa đất). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được sử dụng 6.000m² trong tổng diện tích của thửa đất số 57, nhưng đến nay thì phần đất này đã bị thu hồi một phần còn lại diện tích thực đo mà bà đang sử dụng là 1.537,2m² và phần tiền bồi hoàn đất bà đã nhận là 446.093.400đồng. Nay bà Kim A không đồng ý chia thừa kế phần tiền nhận bồi hoàn về đất và diện tích đất còn lại theo yêu cầu của Thang Thị S, bà Sa R, Mỹ D và Ngọc P. Vì phần đất này ông Thang S1 đã cho bà sử dụng đến nay trên 30 năm không ai tranh chấp. Nay bà Kim A yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được tiếp tục sử dụng diện tích 1.537,2m² thuộc một phần của thửa 57 nêu trên. Phần đất này gia đình bà đang sử dụng gồm có bà, ông Kim H là chồng bà và con Kim Thị Thi Đ sử dụng, ngoài ra không có ai sử dụng phần đất này;

Đối với thửa đất dưới ô (ở ruộng) thuộc thửa số 672, 673 và thửa 2379 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, cũng đều có nguồn gốc của cha mẹ bà là ông Thang S1 và bà Sơn Thị P. Bà Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần đất bà Sa R đang sử dụng thửa 673 diện tích 1.000m² bà không yêu cầu chia thừa kế, bà đồng ý giao cho bà Kiên Thị Sa R tiếp tục ở quản lý, sử dụng;

Phần thửa đất số 09 diện tích 7.080m² tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do UBND xã M trả lại, là của ông Thang Q nên bà không yêu cầu chia thừa kế kể cả tiền bồi hoàn, nếu Tòa án có chia thừa kế thì bà đồng ý giao phần của bà được hưởng cho ông Q toàn quyền sử dụng, định đoạt;

Đối với phần đất mà Công ty may đã xây hàng rào lấn sang phần thửa số 9, 57 nói trên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần lấn ranh này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thang Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản ý kiến: Chị Thang Thị Mỹ D (là con của Thang Xi H

– đã chết) yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất còn lại của thửa đất số 09 do ông Thang Q đang sử dụng và thửa đất 57 do bà Kim A và bà Sa P (Phonl) sử dụng cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Thang S1 đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế đối với tiền bồi hoàn về đất đối với hai thửa đất nêu trên mà ông Thang Q, bà Sa P và bà Kim A đã nhận tiền bồi hoàn.

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có văn bản nêu ý kiến: Việc kê khai trên sổ mục kê ở các tài liệu đo đạc năm 1983, 1992 đối với thửa đất số 664, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có thay đổi chủ thể kê khai, đăng ký qua các thời kỳ do tài liệu này chỉ ghi nhận trong quá trình đo đạc hiện trạng sử dụng đất. Theo hồ sơ địa chính được lập năm 1983 và năm 1992 lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C, không có văn bản, giấy tờ thể hiện sự chuyển giao quyền sử dụng đất giữa các chủ thể. Ngoài ra các văn bản pháp luật về đất đai trước đây không quy định trình tự, thủ tục kê khai đăng ký, nên không có cơ sở nhận định nội dung kê khai đăng ký thửa đất nêu trên của Ông Thang Q đúng trình tự thủ tục hay không. Việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Thang Q đối với thửa 664, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Thang Q đúng quy định pháp luật. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thang Q đối với thửa 664 nêu trên hiện đang lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Thành không có văn bản thể hiện thành viên của hộ ông Thang Q. Do đó, không có cơ sở nhận định thành viên của hộ ông Thang Q gồm những ai. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử Tòa án xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên không phù hợp với quy định pháp luật thì Ủy ban sẽ xem xét thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành;

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất 672, 673, 2379 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C không có văn bản thể hiện thành viên của hộ ông Thang S. Do đó không có cơ sở nhận định thành viên trong hộ của ông Thang S1 gồm những ai.

Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh có văn bản nêu ý kiến: Vào ngày 03/5/2017 Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh có đơn yêu cầu độc lập nêu vào năm 1976 ông Thang S1 có hiện phần đất thửa số 09, tờ bản đồ số 4, diện tích 7.080m², loại đất CDK tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh để làm sân vận động. Đến năm 2015 ông Thang Q và bà Sa P đứng ra tranh chấp và tự canh tác cho đến nay. Quá trình sử dụng Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh có đăng ký kê khai vào năm 1983 và cắm mốc, xác định ranh. Nên Ủy ban nhân dân xã M có yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 09 cấp cho ông Thang S1 nêu trên và công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 09 cho Ủy ban nhân dân xã M quản lý sử dụng. Đến ngày 27/3/2018 Ủy ban nhân dân xã M có văn bản gửi Tòa án có ý kiến rút lại yêu cầu độc lập không yêu cầu

Tòa án tiếp tục giải quyết, đồng ý trả thừa đất số 09 nêu trên cho các thừa kế của ông Thang S.

Ngân hàng H– chi nhánh tỉnh Trà Vinh có văn bản thể hiện ý kiến: Vào ngày 20/01/2006 bà Thang Thị Sa P, địa chỉ ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có vay vốn tại Ngân hàng hợp tác chi nhánh Trà Vinh số tiền 48.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,2%/tháng. Đến ngày 02/4/2018 bà Thang Thị Sa P đã tắt toán khoản vay nêu trên.

Các đương sự khác trong vụ án đều có văn bản nêu ý kiến không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2020/DS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Áp dụng khoản 5, 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 634, 636, 637, 638, 639, 678, 679, 680 của Bộ luật dân sự năm 1995; Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh số 44/LCT/HĐNN8 ngày 10/9/1990 của Hội đồng Nhà Nước về thừa kế;

Áp dụng các Điều 99, 106 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Thang Q về việc yêu cầu Bà Thang Thị S trả diện tích đất 2.355m² (diện tích thực đo là 2.290m²) trong tổng diện tích chung 9.420m² thửa 664, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Thang Q về việc yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất 672, 673, 2379, 09, 57 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh nêu trên theo đơn khởi kiện của Ông Thang Q.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bà Thang Thị S cụ thể như sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Ông Thang Q diện tích 9.420m² thuộc thửa 664, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Công nhận cho Bà Thang Thị S được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 2.290m² trong tổng diện tích chung 9.420m² thửa 664, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận:

Hướng đông giáp với kênh có số đo 39m;
Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 664 có số đo 65,5m;
Hướng nam giáp với bờ kênh có số đo 51,80m;
Hướng bắc giáp thửa 659 có số đo 27m và 26,8m.
(có sơ đồ kèm theo)

Bà Thang Thị S được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Thang Q phải giao cho bà Thang Thị S số tiền 76.076.115đ (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười lăm đồng) (tiền thừa kế bà S được hưởng từ thửa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Thang Thị S, Kiên Thị Sa R, Thạch Ngọc P về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích thực tế bà Thang Thị Sa P sử dụng 1.318,9m², diện tích thực tế bà Thang Thị Kim A sử dụng 1.537,2m² cùng thửa đất số 57, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Thang Thị S và yêu cầu độc lập của bà Kiên Thị Sa R, Thạch Ngọc P và Thang Thị Mỹ D về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi hoàn về đất của thửa 57, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh mà bà Sa P đã nhận là 146.002.850đồng và bà Thang Thị Kim A đã nhận 446.093.400đồng.

5/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Thang Thị Mỹ D về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích thực tế bà Sa P sử dụng 1.318,9m², diện tích thực tế bà Kim A sử dụng 1.537,2m² thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Kiên Thị Sa R, Thạch Ngọc Phượng, Thang Thị Mỹ D về việc yêu cầu ông Thang Q chia thừa kế đối với phần diện tích còn lại của thửa đất số 09, diện tích 3.182,9m², tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh và chia phần tiền bồi hoàn của thửa đất số 09 do ông Q nhận là 234.311.350đồng.

- Buộc ông Thang Q phải có nghĩa vụ giao cho bà Kiên Thị Sa R số tiền 76.076.115đ (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười lăm đồng) (tiền thừa kế bà Sa R được hưởng từ thửa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh).

- Buộc ông Thang Q phải có nghĩa vụ giao cho chị Thạch Ngọc P và Thạch Thị L số tiền 76.076.115đ (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười lăm đồng) (tiền thừa kế chị Phượng và chị Linh được hưởng từ thửa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh) do chị Thạch Ngọc P đại diện nhận.

- Buộc ông Thang Q phải có nghĩa vụ giao cho chị Thang Thị Mỹ D số tiền 164.839.250đ (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ba mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng) (tiền thừa kế chị Dung được hưởng từ thửa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh).

- Giao cho ông Thang Q được quyền sử dụng thửa đất số 9, diện tích 3.615,8m², loại đất chuyên dùng khác, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, (có tứ cận kèm theo sơ đồ đất bao gồm phần D diện tích 83,7m² và phần Đ diện tích 3.532,1m²).

Ông Thang Q được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Ông Thang Q được hưởng thừa kế số tiền bồi hoàn về đất từ thửa 09 nêu trên là 130.527.750đ (một trăm ba mươi triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) trong tổng số tiền bồi hoàn về đất từ thửa đất số 09 nêu trên là 234.311.350đ (hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm năm mươi đồng, số tiền này Ông Thang Q đang quản lý)

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thang Thị Sa P về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được sử dụng diện tích 1.318,9m²

Bà Thang Thị Sa P được quyền sử dụng diện tích 1.318,9m² thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có tứ cận sơ đồ đất kèm theo bao gồm phần B diện tích 1.029,5 và phần C diện tích 289,4m²).

Bà Thang Thị Sa P được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thang Thị Kim A về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được sử dụng diện tích 1.537,2m².

Bà Thang Thị Kim A được quyền sử dụng diện tích 1.537,2m² thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có tứ cận sơ đồ đất kèm theo phần A)

Bà Thang Thị Kim A được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Bà Thang Thị Sa P được quyền tiếp tục quản lý sử dụng số tiền bồi hoàn về đất của thửa 57 mà bà P (P) đã nhận là 146.002.850đ (một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn tám trăm năm mươi đồng). Bà Thang Thị Kim A được quyền tiếp tục quản lý sử dụng số tiền bồi hoàn về đất của thửa 57 mà bà Kim A đã nhận là 446.093.400đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

7/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 9, tờ bản đồ số 4, diện tích 7.080m², tọa lạc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ ông Thang S1 và yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 09 cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh quản lý sử dụng.

8/ Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 57, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ Ông Thang Q đứng tên quyền sử dụng đất (do bà Thang Thị Sa P đang quản lý).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, Ông Thang Q là nguyên đơn kháng cáo bản án số: 107/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Thang Thị S, yêu cầu độc lập của bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc Phượng, chị Thạch Thị L và chị Thang Thị Mỹ D.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày như sau:

Ông Thang Q là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo; có bổ sung thêm giấy xác nhận của 02 người làm chứng, ngoài ra không bổ sung gì thêm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Thang Thị S, yêu cầu độc lập của bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc Phượng, chị Thạch Thị L và chị Thang Thị Mỹ D. Ông Thang Q cho rằng toàn bộ thửa đất số 664, diện tích 9.420m² ông Thang S1 đã cho ông khi ông lập gia đình vào năm 1983, đến năm 1992 thì ông đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên phần đất này đã thuộc quyền sử dụng của ông; Đối với thửa số 09 diện tích 7.080m², khi ông Thang S1 còn sống cũng đã giao cho ông được trọn quyền sử dụng (giao bằng miệng không giấy tờ), nhưng do trước đây ông Thang S1 có cho UBND xã Mỹ Chánh mượn làm sân bóng từ năm 1976 đến năm 2018 mới trả lại cho ông và hiện ông để cho bà P (P) sử dụng nhưng quyền sử dụng đất này thuộc về của ông chứ không phải của 01 ai khác.

Bị đơn Bà Thang Thị S, đồng thời cũng là đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên ý kiến trình bày như ở cấp sơ thẩm, không rút đơn phản tố, thống nhất theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa, không có gởi cho Tòa án cấp phúc thẩm văn bản trình bày nào khác so với trình bày ở cấp sơ thẩm;

Các đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của vị trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho phía nguyên đơn:

Đối với thửa đất số 664 diện tích 9.420m², Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho Bà Thang Thị S được sử dụng diện tích 2.290m² trong khi bà S không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho việc ông Thang S1 có cho bà hay không là chưa có căn cứ vững chắc. Cũng xin trình bày thêm, ngoài những thửa đất tranh chấp thì bà S được ông Thang S1 cho phần đất khác đã chuyển sang tên như Ông Thang Q. Như vậy cho thấy nếu diện tích 2.290m² này mà ông Thang S1 đã cho bà S rồi thì bà S phải làm thủ tục sang tên như các thửa đất khác. Năm 1992 ông Thang S1 còn sống nhưng đã không đăng ký thửa đất này, chứng tỏ lời trình bày của Ông Thang Q được ông Thang S1 cho toàn bộ diện tích đất này là đúng. Vì vậy vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm công nhận

diện tích 2.290m² tranh chấp nằm trong tổng diện tích 9.420m² cho Ông Thang Q được trọn quyền sử dụng;

Đối với thửa đất số 09 diện tích 7.080m², ông Thang S1 cũng đã cho ông Thang Q bằng miệng trước đó. Tuy nhiên, do phần đất này UBND xã Mỹ Chánh mượn làm sân bóng đến năm 2015 mới trả lại cho ông Thang Q quản lý, không có ai tranh chấp, cũng không ai phụ giúp với ông Thang Q trong việc dành lại quyền sử dụng đất mãi cho đến khi Nhà nước có Quyết định thu hồi 01 phần diện tích có bồi hoàn trong thửa đất này để làm công ty may thì các chị em mới tranh dành. Cho nên xét về mặt thực tế thì các bà S, bà Sa R, chị Phượng, chị Dung đều biết thửa đất này không còn là của ông Thang S1 nữa nên việc các bà, chị yêu cầu chia thừa kế là không đúng.

Quan điểm của luật sư - cộng tác viên trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bị đơn: Đối với thửa đất số 664 có 01 phần diện tích 2.290m² do bà S đang trực tiếp canh tác. Xét thấy thửa đất này thực tế tồn tại từ rất lâu có 03 phần sử dụng bao gồm ông Thang Q, Thang Thị Kim A và Thang Thị S có bờ ranh từ lúc ông Thang S1 còn sống, việc sử dụng này không có ai khiếu nại hay tranh chấp từ trước cho đến nay nên có căn cứ xác định phần đất diện tích thực đo 2.290m² ông Thang S1 đã tặng cho bà S 01 phần, bà Thang Thị Kim A 01 phần và Ông Thang Q 01 phần, cho nên việc ông Thang Q được cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất này là không đúng trình tự, thủ tục, đối tượng được cấp đất. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giữ y như quyết định ở cấp sơ thẩm, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 664 của ông Thang Q, công nhận diện tích tranh chấp cho bà S được trọn quyền sử dụng;

Đối với thửa đất số 09 diện tích 7.080m²: đây rõ ràng là di sản của ông Thang S1 để lại vì đến thời điểm này quyền sử dụng đất vẫn còn ông Thang S1 đứng tên, ông Thang S1 chết không để lại di chúc nên việc cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật là đúng. Cộng lại, thửa đất này cấp cho hộ ông Thang S1 thì tại thời điểm cấp giấy chỉ có bà Kiên Thị Sa R và bà Thang Thị S là thành viên trong hộ ông Thang S, lẽ ra cấp sơ thẩm phải chia diện tích đất này cho thành viên hộ trước khi chia thừa kế cho hàng thừa kế. Tuy nhiên, sau khi xét xử thì Bà Thang Thị S cũng như những người được chia không ai kháng cáo nên chấp nhận theo quyết định của án sơ thẩm.

Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, ngày 13/01/2021 ông Thang Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy các vấn đề nãi ra của Ông Thang Q đã được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ. Ông cho rằng thửa đất số 664 và thửa đất số 09 là của riêng ông, ông đã được ông Thang S1 tặng cho từ khi ông lập gia đình ra ở riêng nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh cho lời nãi

ra nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu của khởi kiện của ông Thang Q và chấp nhận chia thừa kế đối với 02 thửa đất này là có căn cứ.

Từ những chứng cứ và những phân tích trên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2020/DS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thang Q là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, cho bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Thang Q còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, không có yêu cầu độc lập trong vụ án làm đơn xin xét xử vắng mặt hoặc làm thủ tục ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tham gia tố tụng. Riêng ông Thạch T và ông Thạch S3 (là chồng của bà Thang Thị D) đã được niêm yết hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 85, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Thang Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thang Q xác định các phần đất ông kháng cáo thuộc các thửa số 664 và thửa số 09, nên các thửa đất khác không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[3.2] Đối với diện tích 9.420m² thuộc thửa đất số 644, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì ông Thang Q cho rằng ông Thang S1 đã cho ông khi ông lập gia đình vào năm 1983, ông sử dụng đến năm 1992 thì ông đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên phần đất này đã thuộc quyền sử dụng của ông, không đồng ý chia cho những người thuộc hàng thừa kế. Căn cứ tư liệu đăng ký kê khai thì vào năm 1983 do ông Thang S1 (Nhan Sô) đăng ký kê khai và sử dụng, đến năm 1992 do ông Thang Q đăng ký kê khai và theo ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành việc thay đổi chủ thể đăng ký kê khai không có văn bản thể hiện. Theo lời thừa nhận của bà Kim A tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì thửa đất số 664 nêu trên là của ông Thang S1 có cho bà và ông Q mỗi người một phần vào năm 1975, còn lại một phần hiện đang tranh chấp là của ông S1 sử dụng, ông Q cũng thừa nhận thửa đất này ông S1 có cho phần bà Kim A 01 phần, việc cho đất này các bên đã đi vào sử dụng và có đắp bờ ranh đất rõ ràng, ông Q không chứng minh được ông S1 đã tặng cho ông toàn bộ thửa 664 nêu trên.

Theo lời khai của bà S diện tích 2.290m² mà ông Q yêu cầu bà trả có nguồn gốc của ông Thang S1 đã cho bà sử dụng từ năm 1995, phần đất này liền kề với phần của bà Kim A rồi đến phần của ông Thang Q, cả 03 người sử dụng đều có ranh rõ ràng, lời khai này của bà S phù hợp lời khai của bà Kim A là các bên sử dụng đất đã có ranh khi được cho đất và cũng phù hợp với lời khai của một số người làm chứng sinh sống tại địa phương cụ thể thể hiện tại các bút lục 703, 704, 705, 706 thể hiện ông S1 đã cho bà S phần diện tích trên. Khi bà S sử dụng diện tích 2.290m² thuộc một phần thửa 664 nêu trên không ai tranh chấp hay phản đối gì. Nên việc ông Thang Q đăng ký kê khai thửa đất số 664 nêu trên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng trình tự thủ tục và đối tượng sử dụng đất. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thang Q về việc yêu cầu Bà Thang Thị S trả diện tích 2.290m² trong tổng diện tích chung 9.420m² thuộc thửa 664, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh là có căn cứ;

Xét yêu cầu phản tố của bà Thang Thị S đối với thửa 664: Là yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã cấp cho ông Thang Q thuộc thửa 664 nêu trên và yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được sử dụng diện tích 2.290m² nằm trong tổng diện tích 9.420m² thuộc thửa số 664. Theo nhận định trên của Hội đồng xét xử việc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Thang Q diện tích 9.420m² thuộc thửa số 664 là không đúng quy định tại Điều 36 Luật đất đai năm 1993: “Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo các quy định sau đây:

.....
3- Trong trường hợp thửa đất có nhiều cá nhân không cùng một hộ gia đình hoặc không cùng một tổ chức sử dụng, thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đến từng tổ chức, từng hộ gia đình, từng cá nhân.”

Do đó, Hội đồng xét xử cần phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Thang Q diện tích 9.420m² thuộc thửa 664, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh và do các đương sự khác không có tranh chấp gì đối với phần diện tích đất bà S sử dụng của thửa 664 nêu trên, nên Hội đồng xét xử công nhận cho bà Thang Thị S được quyền sử dụng diện tích 2.290m² thuộc một phần thửa 664 nêu trên là có căn cứ.

[3.3] Đối với diện tích còn lại 3.182,9m² của thửa đất số 09 và số tiền bồi hoàn do ông Q nhận là 234.311.350 đồng: Nguyên đơn Ông Thang Q đã rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất này. Tuy nhiên, Bà Thang Thị S, chị Thang Thị Mỹ D, bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc P yêu cầu chia thừa kế phần diện tích còn lại của thửa đất số 09 nêu trên diện tích 3.182,9m² và chia thừa kế phần tiền bồi hoàn của thửa đất số 09 do ông Q nhận là 234.311.350đ làm 07 phần gồm: Thang Q, Thang Thị Sa P, Thang Thị Kim A, Thang Xi H (do Thang Thị Mỹ D nhận), Thang Thị S, Thang Thị D (do Thạch Thị L và Thạch Ngọc P nhận), Kiên Thị Sa R và yêu cầu được nhận bằng tiền. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số 09 nêu trên các bên đương sự thống nhất là của ông

Thang S1 và bà Sơn Thị P. Năm 1976 đã cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh mượn để làm sân bóng, đến năm 2018 thì Ủy ban trả lại cho các thừa kế của ông S1 do ông Q nhận và để bà Sa P canh tác. Thửa đất này do ông S1 đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 21/11/1995. Các thành viên trong hộ của ông S1 tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất gồm có bà Sa R là người thành niên, bà S cùng đại diện cho bà Sa R có ý kiến là thửa đất số 09 nêu trên là của ông S1 và bà Pháté, bà Sa R không có phần trong thửa đất này. Ông Q cho rằng thửa đất này ông S1 đã cho ông chỉ bằng lời nói, không có chứng cứ, nên lời trình bày của ông Q là không đủ căn cứ. Hơn nữa đất này được Ủy ban làm sân banh đến năm 2018 mới được trả lại thừa kế của ông Thang S1 do ông Q nhận, ông S1 chết năm 2013 không để lại di chúc, bà S, bà Sa R, chị Phượng, chị Dung không thống nhất theo lời trình bày của ông Q là được ông S1 cho đất. Do đó Hội đồng xét xử xác định diện tích 3.266,6m² và phần tiền bồi hoàn của thửa đất số 09 do ông Q nhận là 234.311.350đ là di sản thừa kế của ông Thang S1 và bà Sơn Thị P để lại không có di chúc, chia theo pháp luật là đúng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bà Thang Thị S, yêu cầu độc lập của bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc Phượng, chị Thang Thị Mỹ Dể chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất này, cụ thể như sau:

- Đối với diện tích 3.266,6m² và 234.311.350đồng là tài sản chung của bà Pháté và ông S1 nên chia làm hai phần bằng nhau mỗi người hưởng diện tích là 1.633,3m² và 117.155.675đồng. Bà Pháté chết không để lại di chúc, nên chia thừa kế theo quy định pháp luật. Phần của bà Pháté được chia làm 05 phần bằng nhau là 23.431.135đồng và 326,66m² đất (trong đó ông S1 01 phần, ông Thang Xi H 01 phần, ông Thang Q 01 phần, bà Thang Thị Kim A 01 phần và bà Thang Thị Sa P 01 phần).

Như vậy phần của Thang Thị Mỹ D được hưởng từ xuất thừa kế của ông Thang Xi H từ bà Pháté là 23.431.135đồng và 326,66m² đất. Thang Thị Mỹ D xin được nhận giá trị, theo kết quả định giá ngày 10/6/2020 giá đất tại thửa số 09 là 200.000đ/m², vậy giá trị 326,66m² đất x 200.000đ/m² = 65.332.000đồng. Vậy tổng số tiền mà chị Thang Thị Mỹ D được hưởng thừa kế từ bà Sơn Thị P là 88.763.135đồng.

Phần di sản của ông S1 để lại của thửa số 09 nêu trên = 326,66m² (phần ông S1 hưởng từ bà Pháté) + 1.633,3m² (phần của ông S1) = 1.959,96m² đất và 140.546.810đ (tiền bồi hoàn). Ông Thang S1 chết không để lại di chúc, nên được chia thừa kế theo quy định pháp luật cho 06 người con của ông Thang S1 gồm: Thang Xi H (chết có con là Thang Thị Mỹ D), ông Thang Q, bà Thang Thị Sa P, Thang Thị Kim A, Thang Thị S và Thang Thị D (chết có con là Thạch Ngọc P và Thạch Thị L hưởng) và vợ của ông Thang S1 là bà Kiên Thị Sa R mỗi người một phần bằng nhau là 20.078.115đ và 279,99m². Thang Thị Mỹ D, Thang Thị S, Kiên Thị Sa R và Thạch Ngọc P yêu cầu được nhận giá trị, do đó bà Thang Thị Mỹ D, Thang Thị S, Kiên Thị Sa R và Thạch Ngọc P mỗi người được hưởng cụ thể như sau: nhận từ tiền bồi hoàn là 20.078.115đ + giá trị đất 279,99m² x 200.000đ/m² = 76.076.115đ. Bà Sa P và bà Kim A đồng ý giao phần của hai bà được hưởng cho ông Q được hưởng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Khu mộ và

lỗi đi vào mộ các đương sự đồng ý giao cho ông Thang Q quản lý nên ghi nhận. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử giao cho ông Thang Q quản lý sử dụng diện tích 3.615,8m² của thửa số 09 nêu trên. Ông Thang Q phải có nghĩa vụ chia cho các thừa kế gồm Thang Thị Mỹ Dông số tiền được hưởng thừa kế là 164.839.250 đồng, Thang Thị S 76.076.115 đồng, Kiên Thị Sa R 76.076.115 đồng và Thạch Ngọc P và Thạch Thị L 76.076.115 đồng, là đúng nên kháng cáo của Ông Thang Q là không có căn cứ. Ông Thang Q có nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm đơn xác nhận nguồn gốc đất của người làm chứng, tuy nhiên xét nội dung đơn xác nhận này cũng không làm thay đổi đến việc chia thừa kế đối với thửa đất này.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí phúc thẩm cho nguyên đơn. Do nguyên đơn đã được cấp sơ thẩm cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xử lý.

[5] Xét lời trình bày của vị trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi ích cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận; Xét lời trình bày của vị luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền lợi ích cho bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Thang Quang.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2020/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thang Q về việc yêu cầu bà Thang Thị S trả diện tích đất 2.355m² (diện tích thực đo là 2.290m²) trong tổng diện tích chung 9.420m² thuộc thửa 664, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thang Q về việc yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất 672, 673, 2379, 09, 57 cùng tờ bản đồ

số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo đơn khởi kiện của Ông Thang Q.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Thang Thị S cụ thể như sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Thang Q diện tích 9.420m², loại đất lúa, thuộc thửa 664, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Công nhận cho bà Thang Thị S được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 2.290m² trong tổng diện tích chung 9.420m² thuộc thửa 664, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận:

- + Hướng đông giáp với kênh có số đo 39m;

- + Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 664 có số đo 65,5m;

- + Hướng nam giáp với bờ kênh có số đo 51,80m;

- + Hướng bắc giáp thửa 659 có số đo 27m và 26,8m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Bà Thang Thị S đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Thang Q phải giao cho bà Thang Thị S số tiền 76.076.115đ (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười lăm đồng) tiền thừa kế bà S được hưởng từ thửa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Thang Thị S, bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc P về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích thực tế bà Thang Thị Sa P sử dụng 1.318,9m², diện tích thực tế bà Thang Thị Kim A sử dụng 1.537,2m² cùng thửa đất số 57, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Thang Thị S và yêu cầu độc lập của bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc P và chị Thang Thị Mỹ D về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi hoàn về đất của thửa 57, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh mà bà Sa P đã nhận là 146.002.850đồng và bà Thang Thị Kim A đã nhận 446.093.400đồng.

5/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Thang Thị Mỹ D về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích thực tế bà Sa P sử dụng 1.318,9m², diện tích thực tế bà Kim A sử dụng 1.537,2m² thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc Phượng, chị Thang Thị Mỹ D về việc yêu cầu Ông Thang Q chia thừa kế đối với phần diện tích còn lại của thửa đất số 09, diện tích 3.182,9m², tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh và chia phần tiền bồi hoàn của thửa đất số 09 do ông Q nhận là 234.311.350đồng.

- Buộc ông Thang Q phải có nghĩa vụ giao cho bà Kiên Thị Sa R số tiền 76.076.115đ (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười lăm đồng) tiền thừa kế bà Sa R được hưởng từ thửa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Buộc ông Thang Q phải có nghĩa vụ giao cho chị Thạch Ngọc P và Thạch Thị L số tiền 76.076.115đ (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười lăm đồng) tiền thừa kế chị Phụng và chị Linh được hưởng từ thừa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do chị Thạch Ngọc P đại diện nhận.

- Buộc ông Thang Q phải có nghĩa vụ giao cho chị Thang Thị Mỹ D số tiền 164.839.250đ (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ba mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền thừa kế chị Dung được hưởng từ thừa 09, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Giao cho ông Thang Q được quyền sử dụng thửa đất số 09, diện tích 3.615,8m², loại đất chuyên dùng khác, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có tứ cận kèm theo sơ đồ đất bao gồm phần D diện tích 83,7m² và phần Đ diện tích 3.532,1m²).

Ông Thang Q đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

- Ông Thang Q được hưởng thừa kế số tiền bồi hoàn về đất từ thừa 09 nêu trên là 130.527.750đ (một trăm ba mươi triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) trong tổng số tiền bồi hoàn về đất từ thừa đất số 09 nêu trên là 234.311.350đ (hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm năm mươi đồng, số tiền này Ông Thang Q đang quản lý).

7/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thang Thị Sa P (P) về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được sử dụng diện tích 1.318,9m²

Bà Thang Thị Sa P được quyền sử dụng diện tích 1.318,9m² thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có tứ cận sơ đồ đất kèm theo bao gồm phần B diện tích 1.029,5 và phần C diện tích 289,4m²). Bà Thang Thị Sa P được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Bà Thang Thị Sa P được quyền tiếp tục quản lý sử dụng số tiền bồi hoàn về đất của thửa 57 mà bà P (P) đã nhận là 146.002.850đ (một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn tám trăm năm mươi đồng).

8/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thang Thị Kim A về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được sử dụng diện tích 1.537,2m².

Bà Thang Thị Kim A được quyền sử dụng diện tích 1.537,2m² thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có tứ cận sơ đồ đất kèm theo phần A). Bà Thang Thị Kim A được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Bà Thang Thị Kim A được quyền tiếp tục quản lý sử dụng số tiền bồi hoàn về đất của thửa 57 mà bà Kim A đã nhận là 446.093.400đ (bốn trăm bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

9/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 09, tờ bản đồ số 4, diện tích 7.080m², tọa lạc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

cấp cho hộ ông Thang S1 và yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 9 cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh quản lý sử dụng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 664, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ Ông Thang Q đứng tên quyền sử dụng đất (do bà Thang Thị Sa P đang quản lý).

10/ Về lệ phí thẩm định, định giá, lệ phí yêu cầu cung cấp thông tin tổng cộng là 34.129.404đồng (ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng):

- Ông Thang Q phải chịu 17.064.702đồng (mười bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ hai đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà Ông Thang Q đã nộp 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy Ông Thang Q phải tiếp tục nộp thêm 564.702đồng (năm trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ hai đồng).

Bà Thang Thị Kim A, bà Thang Thị Sa P, Bà Thang Thị S, bà Kiên Thị Sa R, chị Thang Thị Mỹ D, chị Thạch Ngọc P mỗi người phải chịu 2.844.117đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm mười bảy đồng).

Bà Thang Thị Kim A được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng), như vậy bà Thang Thị Kim A được nhận lại số tiền chênh lệch là 2.155.883đ (hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi ba đồng).

Bà Thang Thị S được trừ vào số tiền tạm ứng mà bà S đã nộp là 6.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), như vậy Bà Thang Thị S được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.905.883đ (ba triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng tám trăm tám mươi ba đồng)

Bà Thang Thị Sa P được trừ vào số tiền mà bà Sa P đã nộp tạm ứng 1.000.000đ (một triệu đồng), như vậy bà Thang Thị Sa P còn phải tiếp tục nộp 1.844.117đồng (một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm mười bảy đồng).

Chị Thang Thị Mỹ D được trừ vào số tiền mà chị Dung đã nộp tạm ứng 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), như vậy chị Thang Thị Mỹ D còn phải tiếp tục nộp 344.117đồng (ba trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm mười bảy đồng).

Chị Thạch Ngọc P được trừ vào số tiền mà chị Phượng đã nộp tạm ứng 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), như vậy chị Thạch Ngọc P còn phải tiếp tục nộp 344.117đồng (ba trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm mười bảy đồng).

Các đương sự khác không phải chịu chi phí thẩm định, định giá.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thu số tiền lệ phí thẩm định, định giá, lệ phí yêu cầu cung cấp thông tin mà bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc P và chị Thang Thị Mỹ D còn phải nộp như trên tổng cộng là 3.532.351đ (ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn ba trăm năm mươi một đồng) để giao trả lại cho Bà Thang Thị S.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thu số tiền lệ phí thẩm định, định giá, lệ phí yêu cầu cung cấp thông tin mà bà Thang Thị Sa P còn phải tiếp tục nộp như trên và một phần tiền ông Thang Q còn phải nộp là 311.766đ (ba trăm mười một nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) trong tổng số tiền Ông Thang Q phải nộp là 564.702đồng (năm trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ hai đồng) để giao trả lại cho bà Thang Thị Kim A.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tiếp tục thu số tiền lệ phí thẩm định, định giá, lệ phí yêu cầu cung cấp thông tin mà ông Thang Q còn phải nộp là 252.936đ (hai trăm năm mươi hai nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) để giao trả lại cho bà Thang Thị S.

Bà Thang Thị S liên hệ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để nhận lại số tiền 120.596đ (một trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng).

11/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thang Q, bà Thang Thị Kim A, bà Thang Thị Sa P, Bà Thang Thị S, bà Kiên Thị Sa R, chị Thạch Ngọc P và chị Thang Thị Mỹ Được chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Thang Q số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 7.997.000đ (bảy triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003019 ngày 10/3/2016 và biên lai thu số 0001032 ngày 30/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả lại cho bà Thang Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002957 ngày 16/02/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả lại cho bà Thang Thị Sa P số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003018 ngày 10/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả lại cho Bà Thang Thị S số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003064 ngày 16/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

12/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho nguyên đơn Ông Thang Q, do nguyên đơn được xem xét miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm ở cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xử lý.

13/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành ;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Kim Châu

